

STT	Mã S'	H' Vê TqN		qIqM TBC	XLHT	qIqM RôN LUY' N	S' MĐN < 5	K LUY' T	XÉT THEO QUY CHẾ	Qq C, AH, Iq' NG	Th c nh rct L'a											
											Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a	Th c nh rct L'a
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
											2	4	1	2	4	3	3	4	2	5		
34	3471010314	L° VEn	Thông	6.43	TB khá	74					5.0	8.0	7.0	7.0	9.0	6.3	6.3	5.0	6.0			
35	3471010354	L° Qú' c	Trung	3.73	Kém	67					5.0	7.0	5.0		7.0	3.5	4.9	0.0	4.3			
36	3471010390	Nguy, n Th/J	Út	6.85	TB khá	89					7.0	6.0	8.0	7.0	5.0	6.9	8.9	6.5	5.6	7.5		
37	3471010395	Nguy, n An	Vinh	6.03	TB khá	75					7.0	7.0	6.0	5.0	8.0	5.4	6.1	5.0	5.7			
38	3471010399	V'ng Quang	Vinh	6.31	TB khá	97					7.0	7.0	5.0	6.0	9.0	5.9	7.0	5.0	6.0			